

Số: 8141 /BTNMT-QHPTTND

V/v báo cáo kết quả thực hiện
chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 về báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 (sau đây gọi là Quyết định số 326/QĐ-TTg). Trên cơ sở kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và để đảm bảo việc xây dựng phương án điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất sát với thực tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị:

1. Khẩn trương rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg đến 31 tháng 8 năm 2023 (tổng hợp theo Phụ lục gửi kèm).

2. Báo cáo thuyết minh, làm rõ tình hình, biến động sử dụng đất từ 31 tháng 12 năm 2022 (theo số liệu thống kê đất đai năm 2022) đến 31 tháng 8 năm 2023, trong đó:

- Tổng hợp các quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo từng công trình, dự án (gửi kèm file số các quyết định này);

- Đối với chỉ tiêu đất chưa sử dụng cần bóc tách, báo cáo làm rõ diện tích đất đã ban hành quyết định thu hồi đất nhưng chưa giao đất, chưa cho thuê đất theo từng công trình, dự án.

Báo cáo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 9 năm 2023 (qua Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất, bản số gửi vào địa chỉ thư điện tử: phongquyhoachdatdai@monre.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu VT, VP(TH), QHPTTND(PQHĐĐ).

**KT. BỘ TRƯỞNG****THỦ TRƯỞNG****Lê Minh Ngân**

Phụ lục

KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN 31/8/2023 TỈNH
(kèm theo Công văn số /BTNMT-QHPTTND ngày tháng năm 2023)

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Số liệu thống kê đến 31/12/2022 (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/8/2023 (số liệu thống kê đất đai)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đất nông nghiệp				
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>				
1.2	Đất rừng phòng hộ				
1.3	Đất rừng đặc dụng				
1.4	Đất rừng sản xuất				
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>				
2	Đất phi nông nghiệp				
	Trong đó:				
2.1	Đất khu công nghiệp				
2.2	Đất quốc phòng				
2.3	Đất an ninh				
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia				
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông				
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế				
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo				
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao				
-	Đất công trình năng lượng				
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông				
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia				
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa				
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải				
3	Đất chưa sử dụng				
4	Đất khu kinh tế				

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Số liệu thống kê đến 31/12/2022 (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/8/2023 (số liệu thống kê đất đai)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Đất khu công nghệ cao				
6	Đất đô thị				

Ghi chú:

- Cột (3) thể hiện số liệu kiểm kê đất đai năm 2019;
- Cột (4) thể hiện số liệu thống kê đất đai đến 31/12/2022;
- Cột (5) thể hiện số liệu thực hiện đến 31/8/2023 (theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ 01/01/2023 đến 31/8/2023).
- Đối với chỉ tiêu **Đất chưa sử dụng** thì phải bóc tách diện tích đất đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa giao, chưa cho thuê.